

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 519/2025/DS-PT
Ngày: 29 - 9 - 2025
V/v “Tranh chấp về yêu cầu tuyên bố di
chức vô hiệu”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Yên

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Minh

Ông Phan Nhựt Bình

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Minh Anh – Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Trần Đăng Ry – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 740/2025/TLPT-DS ngày 13 tháng 6 năm 2025 về việc “*Tranh chấp về yêu cầu tuyên bố di chức vô hiệu*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 28/2025/DS-ST ngày 21 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng (nay là Thành phố Cần Thơ) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1265/2025/QĐPT-DS ngày 25 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông **Quách S**, sinh năm 1964. (chết ngày 23/11/2024).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn:

+ Bà Sơn Thị S1, (vắng mặt);

+ Bà Quách Thị D, (vắng mặt);

+ Bà Quách Thị D1, (vắng mặt);

+ Ông Quách P, (vắng mặt);

+ Bà Quách Thị V. (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Số B, ấp N, xã Đ, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (nay là số B, Ấp N, Xã T, Thành phố Cần Thơ).

- **Bị đơn:** Ông **Hứa P1**, sinh năm 1977. Địa chỉ: F, T, khóm B, phường E, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (nay là F, Tôn Đức T, khóm B, phường S, Thành phố Cần Thơ), (có mặt).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1/ Bà **Trần Thị K**, sinh năm 1958 (Người đại diện theo ủy quyền của bà K: Ông Trần Q), (vắng mặt);

2/ Ông **Trần Q**, sinh năm 1955;

Cùng địa chỉ: Số C, đường T, khóm B, phường E, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (nay là C, đường T, khóm B, phường S, Thành phố Cần Thơ), (vắng mặt);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Trần Thị K, Trần Q1: Luật sư **Triệu Du L**, Luật sư trợ giúp pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh S, (vắng mặt);

3/ Bà **Hứa Thị Sà P2**, sinh năm 1979. Địa chỉ: ấp N, xã Đ, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (nay là Ấp N, Xã T, Thành phố Cần Thơ), (vắng mặt).

4/ Bà **Hứa Thị T1**, sinh năm 1982. Địa chỉ: ấp N, xã Đ, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (nay là Ấp N, Xã T, Thành phố Cần Thơ), (vắng mặt).

5/ Ông **Hứa Đô L1**, sinh năm 1983. Địa chỉ: ấp N, xã Đ, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (nay là Ấp N, Xã T, Thành phố Cần Thơ), (vắng mặt).

6/ Ông **Hứa Văn N**, sinh năm 1959. Địa chỉ: D Brow Ninh RD-Pennsauken, N, Hoa Kỳ. Chỗ ở hiện nay: 638/2/6A, T, khóm B, phường E, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (nay là 638/2/6A, Tôn Đức T, Khóm B, Phường S, Thành phố Cần Thơ), (vắng mặt).

7/ Ông **Quách Thanh S2**, sinh năm 1988. Địa chỉ: 6 T, khóm B, phường E, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (nay là 638/3/6, Tôn Đức T, Khóm B, Phường S, Thành phố Cần Thơ), (vắng mặt).

8/ Bà **Quách Thị Kiều T2**, sinh năm 1992. Địa chỉ: 6 T, khóm B, phường E, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (nay là 638/3/6, Tôn Đức T, Khóm B, Phường S, Thành phố Cần Thơ), (vắng mặt).

9/ Ông **Quách S3**, sinh năm 1969. Địa chỉ: 6 T, khóm B, phường E, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (nay là 6 T, Khóm B, Phường S, Thành phố Cần Thơ), (có mặt).

10/ Bà **Liêu Thị Thanh L2**, sinh năm 1987. Địa chỉ: F, T, khóm B, phường E, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (nay là 638/2/6A, Tôn Đức T, Khóm B, Phường S, Thành phố Cần Thơ), (có mặt).

Người kháng cáo: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Quách S3.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thì vụ án có nội dung như sau:

Lúc sinh thời cha mẹ ông Quách S là ông Hứa M và bà Thạch Thị K1 sống với nhau và có 02 người con chung gồm: Ông Hứa Huỳnh M1 (ông M1 đã chết năm 1999, ông M1 có vợ là bà Sơn Thị P3 và các con ông là bà Hứa Thị Sà P2, bà Hứa Thị T1, ông Hứa Đô L1 và ông Hứa P1) và ông Hứa Văn N. Đến năm 1960 thì ông Hứa Minh C, sau khi ông Hứa Minh C thì bà Thạch Thị K1 chung sống với ông Quách M2, giữa bà Thạch Thị K1 và ông Quách M2 có 03 người con chung gồm: Ông Quách S, ông Quách Thiên S4 (ông S4 đã chết năm 2008, ông S4 có vợ là bà Chiêm Thị M3 và các con là bà Quách Thị Bích L3, ông Quách Thanh S2 và bà Quách Thị Kiều T2) và ông Quách S3.

Trong quá trình chung sống giữa cha mẹ ông Quách S có tạo lập được phần diện tích đất 300,1m², thuộc thửa số 65, tờ bản đồ số 29 và căn nhà gắn liền đất tọa lạc tại khóm B, phường E, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 739486 do Ủy ban nhân dân thành phố S cấp cho bà Thạch Thị K1 vào ngày 19/02/2014). Năm 1998, bà Thạch Thị K1 có làm tờ di chúc khi bà chết sẽ cho phần đất và căn nhà nêu trên cho 04 anh em ông Quách S gồm: Hứa Huỳnh M1 15%, Quách Sol 15%, Quách Siêng 15%, Quách Thiên S4 15%. Đến năm 1970 ông Quách M2 chết. Năm 2014, bà Thạch Thị K1 chết, phần đất và căn nhà gắn liền với đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên do ông Hứa P1 quản lý, sử dụng.

Nay ông Quách S yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật, đối với phần diện tích đất 300,1m² tại thửa số 65, tờ bản đồ số 29 và căn nhà gắn liền với đất, tọa lạc tại khóm B, phường E, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng thành 04 kỷ phần cho:

- + Quách Sol nhận 55% giá trị phần đất và 55% giá trị phần nhà
- + Quách Thiên S4 nhận 15% giá trị phần đất và 15% giá trị phần nhà
- + Quách Siêng nhận 15% giá trị phần đất và 15% giá trị phần nhà
- + Hứa Huỳnh M1 nhận 15% giá trị phần đất và 15% giá trị phần nhà

- Ông Quách S xin nhận một kỷ phần bằng hiện vật là 55% = 165,5m² đất ở và trị giá 55% căn nhà là 110.000.000 đồng, đối với phần nhận chênh lệch ông Quách S đồng ý trả giá trị cho các đồng thừa kế còn lại.

Ngày 06/12/2023, nguyên đơn ông Quách S có đơn yêu cầu khởi kiện bổ sung như sau:

Yêu cầu Tòa án Tuyên bố Di chúc lập ngày 24/4/2014 là vô hiệu; yêu cầu công nhận di chúc lập ngày 14/12/1998 và yêu cầu chia phần diện tích đất 300,1m², tại thửa số 65, tờ bản đồ số 29 và căn nhà gắn liền với đất cho các đồng thừa kế theo pháp luật.

Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn trình bày như sau: Theo lời ông Quách S đã trình bày là phần diện tích đất của bà Thạch Thị K1 có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có diện tích là : 300,1m² là do ông Quách M2 và bà Thạch Thị K1 tạo lập là hoàn toàn không đúng sự thật. Vì theo ông được biết từ lời kể của bà nội là bà Thạch Thị K1 và các ông bà cụ lão và bà con xóm giềng về miếng đất này là từ thời bà cố để lại cho bà nội và ông Hứa M là chồng đời trước của bà nội và cũng là cha của chú Hứa Văn N và Hứa Bình M4 (là cha ruột của ông), sau khi ông Hứa Minh M5 thì bà nội có bước thêm bước nữa với ông Quách M2 có với nhau 3 người con là: ông Quách S, ông Quách Thiên S4, ông Quách S3 cũng sinh sống với nhau trên nền đất đó luôn, chứ không phải do ông Quách M2 và bà Thạch Thị K1 tạo được.

Về phần diện tích đất của bà Thạch Thị K1 thì cũng không giống như lời ông Quách S trình bày vì diện tích đất của bà nội là nhiều hơn vì bà nội đã chia cho ông Quách S3 ở trước một nền nhà và lối đi phần giữa là diện tích đất và căn nhà mà bà nội đã làm quyền sử dụng đất là lập di chúc cho chú ông là Hứa Văn N đang sinh sống và định cư ở Mỹ, còn phần đất còn lại là do chú Hứa Văn N gửi tiền cho bà nội mua của ông Lâm S5 để chia cho vợ con ông Quách Thiên S4, còn về phần ông Quách S thì chú Hứa Văn N cũng gửi tiền cho bà nội mua 2 nền đất cho : 1 mảnh ở ấp N, xã Đ, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; 1 mảnh ở ấp C, xã Đ, huyện T, tỉnh Sóc Trăng và nay ông Quách S bán hết các phần đất đó.

Về phần nhà ở hiện tại trên diện tích đất của bà Thạch Thị K1 do chú ông thừa kế mà ông Quách S khởi kiện đều do chú ông là Hứa Văn N khi bà nội còn sống đã xin ý kiến để cất tu bổ sửa sang cho bà nội ở, và khi bà nội còn sống toàn bộ số tiền nuôi dưỡng chăm sóc cho đến khi bà nội qua đời đều do một tay chú ông Hứa Văn N chu cấp. Vì lẽ đó bà nội đã để lại di chúc giao cho chú ông là Hứa Văn N thừa kế tài sản là phần diện tích đất và căn nhà.

Theo như đơn khởi kiện của ông Quách S tại tổ hòa giải, thuộc B, phường E, thành phố S thì ông Quách S đã trình bày là cha mẹ ông chết không để lại di chúc cho số tài sản riêng ai, nhưng hiện tại nay cháu Hứa P1, cất nhà và quản lý toàn bộ tài sản phần đất, mà không chia cho anh em chúng ông, vậy thì tại sao bây giờ ông Quách S lại trình bày là : năm 1998 bà Thạch Thị K1 có làm tờ di chúc khi bà chết sẽ cho phần đất và căn nhà nêu trên cho 04 anh em ông Quách S gồm : Hứa Huỳnh M1 (Trong khai sinh là Hứa Bình M4) 15%, ông Quách S 15%, Quách

Siêng 15%, Quách Thiên S4 15%. Đến năm 1970 ông Quách M2 chết. Năm 2014 bà Thạch Thị K1 chết phần đất và căn nhà gắn liền với đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên do ông Hứa P1 quản lý sử dụng.

Về phần ông và vợ ông là bà Liêu Thị Thanh L2 chỉ là người được chú ông ủy quyền để chăm sóc, bảo quản nhà cửa, nhang khói thờ phụng ông bà tổ tiên, chứ không phải như lời ông Quách S thừa kiện là tài sản di sản thừa kế và căn nhà là do ông quản lý là không đúng sự thật. Vì tài sản vẫn do chú Hứa Văn N đứng tên và sở hữu thừa kế theo pháp luật, nên ông Quách S có khởi kiện hay yêu cầu chia tài sản thừa kế thì phải khởi kiện hay thông qua chú Hứa Văn N là người thừa kế tài sản này mới đúng.

Tại đơn khởi kiện (yêu cầu độc lập) và trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị K và ông Trần Q như sau:

Bà Trần Thị K và ông Trần Q có quyền sử dụng đất tọa lạc số 638/2/4a đường T, khóm B, phường E, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Tài sản này đã được Ủy ban nhân dân thị xã S (nay là thành phố S) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 700493 (số vào sổ cấp giấy chứng nhận: H 2395) cho bà Sơn Thị Đ vào ngày 28/6/2005 thuộc thửa 64, tờ bản đồ số 29, diện tích 478,9m², tọa lạc khóm B, phường E, thị xã S (nay là thành phố S). Vào ngày 06/7/2005 bà Sơn Thị Đ ra Ủy ban nhân dân phường E ký hợp đồng cho nhận, chuyển nhượng quyền sử dụng đất lại cho bà Trần Thị K và ông Trần Q. Đến tháng 7/2005 thì bà Trần Thị K và ông Trần Q được chỉnh lý sang tên theo quy định pháp luật.

Trong quá trình sử dụng, ông Hứa P1 dựng cột điện và kéo dây điện qua phần đất của bà Trần Thị K và ông Trần Q ngang khoảng 01m, dài 27m. Bà Trần Thị K và ông Trần Q đã nhiều lần yêu cầu di dời đường dây điện để trả lại đất hoặc phải trả tiền sử dụng đất nhưng ông P1 không thực hiện nên phát sinh tranh chấp.

Nay bà Trần Thị K và ông Trần Q yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Hứa P1 phải di dời đường dây tải điện để trả lại cho bà Trần Thị K và ông Trần Q quyền sử dụng đất ngang 01m, dài 27m thuộc thửa 64, tờ bản đồ số 29, tọa lạc khóm B, phường E, thành phố S theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 700493 (số vào sổ cấp giấy chứng nhận: H 2395) do Ủy ban nhân dân thành phố S cấp cho bà Sơn Thị Đ vào ngày 28/6/2005 và được chỉnh lý cho bà Trần Thị K và ông Trần Q vào tháng 7/2005 hoặc phải trả tiền sử dụng đất là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) nếu ông Hứa P1 không di dời đường dây điện.

Tại Biên bản lấy lời khai ông Trần Q và là người đại diện hợp pháp của bà Trần Thị K, do Tòa án lập ngày 15/12/2023, có nội dung: Ông Trần Q1 và bà Trần Thị K xin rút lại yêu cầu độc lập về việc buộc ông Hứa P1 phải di dời đường dây tải điện để trả lại cho bà Trần Thị K và ông Trần Q quyền sử dụng đất ngang 01m, dài 27m thuộc thửa 64, tờ bản đồ số 29, tọa lạc khóm B, phường E, thành phố S theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 700493 (sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: H 2395) do Ủy ban nhân dân thành phố S cấp cho bà Sơn Thị Đ vào ngày 28/6/2005 và được chỉnh lý cho bà Trần Thị K và ông Trần Q vào tháng 7/2005 hoặc phải trả tiền sử dụng đất là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) nếu ông Hứa P1 không di dời đường dây điện. Với lý do trụ điện và đường dây tải điện đã được di dời đi nơi khác.

Tại đơn yêu cầu độc lập và trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hứa Văn N trình bày như sau:

Ông không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện nêu trên của nguyên đơn. Vì phần đất và căn nhà trên đất nêu trên đã được bà K1 lập di chúc để lại cho ông.

Nguồn gốc đất thửa 65 nêu trên là của mẹ của bà K1 tên Thạch Thị A cho bà K1 trước năm 1958, còn bà Thạch Thị U là chị của bà Thạch Thị A; sau đó bà A chết vào tháng 5 năm 1980, thì phần đất này để lại cho bà K1 sử dụng đến ngày 26/4/2014 thì bà K1 lập di chúc để lại phần đất này cho tôi, đến tháng 09/2014 bà K1 chết. Ông đi Mỹ vào ngày 30/4/1980 sinh sống, đến năm 1987-1988 thì ông được nhập quốc tịch Hoa Kỳ. Bà K1 có hai người chồng, chồng đầu tiên tên Hứa M (chết năm 1960), có hai người con tên Hứa Huỳnh M1 (chết năm 1998. Ông M1 có vợ Sơn Thị P3 và con Hứa P1, Hứa Thị Sà P2, Hứa Thị T1, Hứa Đô L1) và ông.

Sau khi ông M chết, thì đến năm 1965-1966 thì bà K1 có chồng thứ hai là ông Quách M2 (chết năm 1969), có ba người con Quách Sol, Quách Thiên S4 (chết năm 2008, ông S4 có vợ là bà Chiêm Thị M3 và các con là bà Quách Thị Bích L3, ông Quách Thanh S2 và bà Quách Thị Kiều T2) và ông Quách S3. Bà K1 không có con nuôi, cha mẹ bà K1 đều đã chết.

Sau khi bà K1 chết, ông đã làm thủ tục khai nhận di sản thừa kế theo di chúc thừa kế nêu trên vào ngày 13/10/2015 tại Văn phòng C1. Khi làm thủ tục khai nhận nêu trên, các đồng thừa kế của bà K1 có tham gia họp gia đình có sự tham gia của các anh em gồm Quách Sol, Quách S3, vợ Quách Thiên S4, vợ của Hứa Huỳnh M1, khi đó các bên đều đồng ý ông là người thừa kế di sản theo di chúc; tuy nhiên khi đó không có lập thành văn bản chỉ trao đổi miệng với nhau. Hiện nay nhà và đất nêu trên ông giao cho Hứa P1 để ở, quản lý, chăm sóc căn

nhà này và thờ cúng ông bà. Ông cũng không biết đến tờ di chúc năm 1998 theo nguyên đơn trình bày, vì ông chưa nghe nói đến di chúc này.

Nay ông N yêu cầu độc yêu cầu Tòa án giải quyết như sau: Tuyên bố di chúc ngày 14/12/1998 do bà Thạch Thị K1 lập là vô hiệu.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Quách S3 trình bày: Ông thống nhất với yêu cầu của ông S, không có ý kiến gì khác.

Tại phiên tòa sơ thẩm, những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn Vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Q, bà Trần Thị K đã rút yêu cầu độc lập trong quá trình giải quyết vụ án. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hứa Văn N giữ nguyên yêu cầu độc lập. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 28/2025/DS-ST ngày 21 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng (nay là Thành phố Cần Thơ) đã quyết định:

Căn cứ khoản 11 Điều 26, khoản 3 Điều 35, Điều 37, Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Điều 624, 625, 626, 627, 628, 630, 631, 635 của Bộ luật dân sự năm 2015

Khoản 1 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Quách S về việc:

- Yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật, đối với phần diện tích đất 300,1m² tại thửa số 65, tờ bản đồ số 29 và căn nhà gắn liền với đất, tọa lạc tại khóm B, phường E, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng thành 04 kỷ phần cho:

- + Quách Sol nhận 55% giá trị phần đất và 55% giá trị phần nhà
- + Quách Thiên S4 nhận 15% giá trị phần đất và 15% giá trị phần nhà
- + Quách Siêng nhận 15% giá trị phần đất và 15% giá trị phần nhà
- + Hứa Huỳnh M1 nhận 15% giá trị phần đất và 15% giá trị phần nhà

- Ông Quách S xin nhận một kỷ phần bằng hiện vật là $55\% = 165,5\text{m}^2$ đất ở và trị giá 55% căn nhà là 110.000.000 đồng, đối với phần nhận chênh lệch ông Quách S đồng ý trả giá trị cho các đồng thừa kế còn lại.

Yêu cầu Tòa án Tuyên bố Di chúc lập ngày 24/4/2014 là vô hiệu; yêu cầu công nhận di chúc lập ngày 14/12/1998 và yêu cầu chia phần diện tích đất $300,1\text{m}^2$, tại thửa số 65, tờ bản đồ số 29 và căn nhà gắn liền với đất cho các đồng thừa kế theo pháp luật.

Phần đất thửa 65, có vị trí như sau:

+ H: Giáp đất bà Sơn Thị Cà B, có số đo $5,31\text{m} + 17,59\text{m} + 1,36\text{m} + 5,45\text{m} + 1,20\text{m} + 2,9\text{m}$;

+ Hướng Tây: Giáp thửa 64, có số đo $5,95\text{m} + 9,01\text{m} + 11,75\text{m} + 1,15\text{m} + 4,70\text{m} + 6,49\text{m}$;

+ Hướng Nam: Giáp đất bà Tôn Mỹ T3, bà Chiêm Thị M3, có số đo $4,91\text{m} + 2,78\text{m} + 10,79\text{m}$;

+ Hướng Bắc: Giáp hẻm, có số đo $7,84\text{m}$.

(có sơ đồ kèm theo)

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu độc lập của ông Trần Q, bà Trần Thị K về việc: Buộc ông Hứa P1 phải di dời đường dây tải điện để trả lại cho bà Trần Thị K và ông Trần Q quyền sử dụng đất ngang 01m , dài 27m thuộc thửa 64, tờ bản đồ số 29, tọa lạc khóm B, phường E, thành phố S theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 700493 (số vào sổ cấp giấy chứng nhận: H 2395) do Ủy ban nhân dân thành phố S cấp cho bà Sơn Thị Đ vào ngày 28/6/2005 và được chỉnh lý cho bà Trần Thị K và ông Trần Q vào tháng 7/2005 hoặc phải trả tiền sử dụng đất là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) nếu ông Hứa P1 không di dời đường dây điện.

3. Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Hứa Văn N về việc: Tuyên bố di chúc lập ngày 14/12/1998 của bà Thạch Thị K1 là vô hiệu.

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí quyền kháng cáo của các đương sự

Ngày 02/5/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Quách S3 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Quách S3 trình bày: Không đồng ý với bản án sơ thẩm, đề nghị công nhận di chúc ngày 14/12/1998 là hợp pháp, di chúc ngày 24/4/2014 để lại cho ông N là vô hiệu. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn ông Hứa P1 trình bày: Không đồng ý với kháng cáo của ông S3, đề nghị bác kháng cáo của ông Quách S3, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Liêu Thị Thanh L2 trình bày: Khi đó bà nội mất có để di chúc cho ông N, ông N ở nước ngoài nên để 2 vợ chồng tôi ở thờ cúng, chăm nom. Bà L2 không có ý kiến gì đối với kháng cáo của ông Quách S3.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, đảm bảo cho các đương sự có các quyền và nghĩa vụ theo quy định; gửi các Quyết định, Thông báo cho Viện kiểm sát cùng cấp, đương sự đầy đủ, đúng thời hạn. Hội đồng xét xử đúng thành phần, phiên tòa diễn ra theo đúng trình tự và quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xét thấy bản án sơ thẩm xét xử là có căn cứ. Căn cứ vào di chúc ngày 14/12/1998, khi được sự đồng ý của mẹ và các anh em thì mới chính thức phân chia. Sau đó cụ đã lập di chúc khác, trong nội dung thể hiện cụ đủ điều kiện sức khỏe, cụ để lại tài sản cho ông N, di chúc này thay thế di chúc trước đó theo đúng quy định, thể hiện đúng ý chí. Sau khi cụ chết thì di chúc có hiệu lực. Ông S3 kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới so với các tài liệu, chứng cứ đã cung cấp tại cấp sơ thẩm. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, giữ nguyên bản án dân sự số 28/2025/DS-ST ngày 21/4/2025 về việc “Tranh chấp về việc yêu cầu tuyên bố di chúc vô hiệu” của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, tòa diện chứng cứ ý kiến của Viện kiểm sát, của nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về hình thức đơn kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đơn trong hạn luật định nên chấp nhận xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Ngày 02/5/2025, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Quách S3 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng (nay là Thành phố Cần Thơ).

[1] Về thẩm quyền xét xử: Căn cứ Điều 37, 38 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 xác định đúng thẩm quyền.

[2] Về tư cách người tham gia tố tụng: Căn cứ Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng.

[3] Về quan hệ tranh chấp: cấp sơ thẩm xác định đúng quan hệ tranh chấp.

[4] Nội dung: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia thừa kế đối với phần đất thuộc thửa 65, tờ bản đồ số 29, tọa lạc tại khóm B, phường E, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Theo kết quả định giá: phần đất có giá trị 56.153.000 đồng, tài sản trên đất có giá trị: 337.009.238 đồng. Phần đất nêu trên đã được UBND thành phố S cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền khác gắn liền với đất số BQ 739486 ngày 19/02/2014 cho bà Thạch Thị K1, đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Như vậy, phần đất thuộc thửa 65 nêu trên là tài sản của bà Thạch Thị K1 tạo lập được khi còn sống và đã được cơ quan có thẩm quyền công nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

Bà K1 chết ngày 04/9/2014, có 02 người chồng gồm ông Hứa M (chết năm 1960) , có hai người con tên Hứa Huỳnh M1 (chết năm 1998. Ông M1 có vợ Sơn Thị P3 và con Hứa P1, Hứa Thị Sà P2 Hứa Thị T1, Hứa Đô L1) và ông Hứa Văn N. Sau khi ông M chết thì đến năm 1965 - 1966 thì bà K1 có chồng thứ hai là ông Quách M2 (chết năm 1969) có ba người con là Quách Sol, Quách Thiên S4 (chết năm 2008 ông sanh có vợ là bà Chiêm Thị M3 và các con là bà Quách Thị Bích L3, ông Quách Thanh S2 và bà Quách Thị Kiều T2) và ông Quách S3.

Nguyên đơn cho rằng phần đất và tài sản trên đất nêu trên đã được bà Thạch Thị Kinne L4 di chúc vào ngày 14/12/1998 về việc phân chia tài sản là một căn nhà vật dụng cụ thể chia cho Hứa Huỳnh Miên 1 ; 40% còn lại giao cho Quách Thiên S4 giám hộ. Quách Thiên sanh là người được anh em tín nhiệm giao cho việc bảo quản tài sản trên cho đến khi nào được sự đồng ý của mẹ và anh em sẽ được họp mặt chính thức phân chia.

Tuy nhiên theo ông Hứa Văn N cho rằng vào ngày 26/04/2014 thì bà Thạch Thị K1 lập di chúc tại văn phòng C2 đối với phần đất thuộc thửa 65 và căn nhà

trên đất cho ông Hứa Văn N thừa hưởng, sau khi bà K1 chết, kèm theo di chúc là giấy chứng nhận sức khỏe do bệnh viện Q2 - Dân y Sóc Trăng chứng nhận bài Kinne đủ sức khỏe để lập di chúc. Đến ngày 13/10/2015, sau khi bà K1 chết thì ông N đến văn phòng C1 lập văn bản khai nhận di sản thừa kế theo di chúc nêu trên của bà K1. Đối với di chúc vào ngày 14/12/1998 thì ông hoàn toàn không biết.

Xét về nội dung di chúc lập ngày 14/12/1998 của bà Thạch Thị K1 đã thể hiện việc phân chia tài sản như đã nêu ở trên nhưng lại có nội dung: “Quách Thiên S4 là người được anh em tín nhiệm giao cho việc bảo quản tài sản trên cho đến khi nào được sự đồng ý của mẹ và anh em sẽ được họp mặt chính thức phân chia”.

Theo quy định tại Điều 646 của Bộ luật dân sự năm 2005: *“Di chúc là sự thể hiện ý chí của cá nhân nhằm chuyển tài sản của mình cho người khác sau khi chết.”*

nhưng đối chiếu với nội dung di chúc nêu trên thì không chứa đựng nội dung cơ bản đúng bản chất của tờ di chúc.

Mặt khác, vào ngày 26/04/2014, thì bà Thạch Thị K1 lập di chúc tại văn phòng C2, đối với phần đất thuộc thửa 65 và căn nhà trên đất cho ông Hứa Văn N thừa hưởng, di chúc này được lập phù hợp theo điều 624, 625, 626, 627, 628, 630, 631, 635 của Bộ luật dân sự năm 2015, nên hoàn toàn là hợp pháp. Đến 13/10/2015 thì ông N cũng đã đến văn phòng C1 lập Văn bản khai nhận di sản thừa kế theo di chúc nêu trên của bài Kinne đúng theo quy định của pháp luật.

Từ lý do nêu trên, đối với yêu cầu độc lập của ông Hứa Văn N về việc tuyên bố vô hiệu di chúc lập ngày 14/12/1998 của bà Thạch Thị K1 là có cơ sở chấp nhận.

[5] Nhận định của Hội đồng xét xử: Xét thấy, cấp sơ thẩm đã xét xử phù hợp theo quy định của pháp luật và tại phiên tòa hôm nay người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan kháng cáo nhưng không đưa ra được những chứng cứ khác ngoài những chứng cứ đã thu thập ở cấp sơ thẩm nên không có căn cứ để chấp nhận đơn kháng cáo.

[6] Tại phiên tòa phúc thẩm, vị đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị không chấp nhận đơn kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Quách S3 không được chấp nhận nên phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về việc thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Quách S3.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 28/2025/DS-ST ngày 21/4/2025 về việc “Tranh chấp về yêu cầu tuyên bố di chúc vô hiệu” của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng (nay là Thành phố Cần Thơ).

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Buộc ông Quách S3 phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000710 ngày 09/5/2025 nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng (nay là Thi hành án dân sự Thành phố C).

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 29 tháng 9 năm 2025).

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VCTVKSSXPT tại TP Hồ Chí Minh (1);
- TAND Thành phố Cần Thơ (1);
- VKSND Thành phố Cần Thơ (1);
- THADS Thành phố Cần Thơ (1);
- Đương sự (16);
- Lưu VP(6), HS(2), 29b. (LMA).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phan Văn Yên